CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tháng 11 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

Tháng 11 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Phó Tổng Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc nhân sự
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Phó Tổng Giám đốc tài chính
Bà Ngô Thị Sạch	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết, Ban Tổng Giám đốc của các công ty con, công ty liên doanh liên kết chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp lý trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 4000462724 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
T.X ĐIỆN BÀN - T. QUẢNG NAM

Nguyễn Thị Bích Thùy
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 327 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07/11/2016, từ trang 03 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0102546856-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2016

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2369-2013-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**142.125.760.340**	**470.119.694.873**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**8.883.654.732**	**4.230.160.810**
1. Tiền	111		8.883.654.732	4.230.160.810
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**94.172.542.261**	**457.362.720.222**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	61.643.825.081	307.896.642.275
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.654.450.117	2.365.974.647
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	12.500.000.000	144.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	18.374.267.063	3.100.103.300
III. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**21.546.790.191**	**5.992.879.490**
1. Hàng tồn kho	141		22.199.548.842	5.992.879.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(652.758.651)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**17.522.773.156**	**2.533.934.351**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.725.595.701	133.057.074
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.723.397.564	2.400.877.277
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	73.779.891	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**445.910.865.771**	**114.220.949.588**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**11.596.600.000**	**55.893.620.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	11.596.600.000	55.893.620.000
II. Tài sản cố định	**220**		**222.215.398.970**	**17.676.715.462**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	219.253.277.752	17.676.715.462
- Nguyên giá	*222*		*237.035.494.946*	*29.593.473.813*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(17.782.217.194)*	*(11.916.758.351)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.962.121.218	-
- Nguyên giá	*228*		*3.727.272.727*	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(765.151.509)*	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**746.437.035**	**416.164.959**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		746.437.035	416.164.959
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**14**	**49.490.000.000**	**-**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		49.490.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**161.862.429.766**	**40.234.449.167**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	161.862.429.766	40.234.449.167
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**588.036.626.111**	**584.340.644.461**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**378.404.019.679**	**386.972.897.159**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**277.239.449.129**	**339.751.206.492**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	147.541.207.357	154.174.891.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	3.554.979.118	259.188.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.509.224.806	231.124.925
4. Phải trả người lao động	314		566.879.121	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		580.656.104	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	324.519.694	109.386.001.296
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	123.161.982.929	75.700.000.000
II. Nợ dài hạn	**330**		**101.164.570.550**	**47.221.690.667**
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	41.927.646.603	47.221.690.667
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	59.120.172.160	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		116.751.787	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**209.632.606.432**	**197.367.747.302**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**209.632.606.432**	**197.367.747.302**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.817.019.359	270.731.626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		270.731.626	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.546.287.733	270.731.626
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.815.587.073	17.097.015.676
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**588.036.626.111**	**584.340.644.461**

Hồ Thị Như Quỳnh	**Nguyễn Thị Linh Thường**	**Nguyễn Thị Bích Thùy**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**387.083.106.688**	**535.015.164.298**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.031.609.408	3.849.600.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**377.051.497.280**	**531.165.564.298**
4. Giá vốn hàng bán	11	22	335.771.098.243	514.802.612.363
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**41.280.399.037**	**16.362.951.935**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.895.802.463	55.788.083
7. Chi phí tài chính	22	25	8.099.031.415	13.058.419.140
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*8.099.031.415*	*8.968.073.599*
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	26	21.557.994.784	9.480.985.062
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	7.881.428.683	4.564.311.980
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	**30**		**10.637.746.618**	**(10.684.976.164)**
12. Thu nhập khác	31	27	1.619.824.286	11.796.261.376
13. Chi phí khác	32	28	1.288.455.173	258.096.396
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**331.369.113**	**11.538.164.980**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**10.969.115.731**	**853.188.816**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.487.504.814	195.711.839
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		116.751.787	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**9.364.859.130**	**657.476.977**
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		9.546.287.733	660.461.301
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(181.428.603)	(2.984.324)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	530	58

Hồ Thị Như Quỳnh	**Nguyễn Thị Linh Thường**	**Nguyễn Thị Bích Thùy**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***10.969.115.731***	***853.188.816***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.686.165.906	3.020.859.506
- Các khoản dự phòng	03	652.758.651	-
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.878.630.744)	82.848.288
- Chi phí lãi vay	06	8.099.031.415	8.968.073.599
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***19.528.440.959***	***12.924.970.209***
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	225.157.476.546	(3.973.269.905)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(16.206.669.352)	29.671.411.216
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(177.998.239.410)	118.322.579.653
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(122.660.098.977)	(23.014.123.355)
- (Tăng)/ Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.099.031.415)	(8.968.073.599)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(45.416.225)	(553.127.782)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.197.020.000	25.532.360.667
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(5.611.620.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(33.126.517.874)***	***144.331.106.723***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(150.953.437.902)	(1.203.570.599)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	109.090.909	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.490.000.000)	(144.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	131.500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.203.700	55.788.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(68.802.143.293)***	***(145.047.782.516)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	130.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	429.983.203.656	323.379.893.592
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(323.401.048.567)	(467.259.893.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***106.582.155.089***	***(13.880.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**4.653.493.922**	**(14.596.675.793)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4.230.160.810**	**18.826.836.603**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**8.883.654.732**	**4.230.160.810**

Hồ Thị Như Quỳnh	**Nguyễn Thị Linh Thường**	**Nguyễn Thị Bích Thùy**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 4000462724 ngày 09/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 15/05/2015. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 180.000.000.000 VND.

Địa chỉ tại Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 48 người (tại ngày 01/01/2015 là 48 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
  Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa bàn	Ngành nghề kinh doanh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	Khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung - Chi nhánh Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Khí hóa lỏng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Và Sản xuất Petro Miền Trung	Tỉnh Quảng Trị	Khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung - Chi nhánh Bình Định	Tỉnh Bình Định	Khí hóa lỏng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (tỉnh Quảng Nam)	Tỉnh Quảng Nam	Khí hóa lỏng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Khí hóa lỏng

Công ty có một công ty con duy nhất là Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại với mục đích so sánh.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas;
- Các công ty có cùng cổ đông góp vốn bao gồm: Công ty TNHH Gas miền Trung và Công ty TNHH Trung Nam;
- Công ty có cùng thành viên quản lý: Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam;
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 08
Cây lâu năm	15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là thương hiệu sản phẩm, tài sản được khấu hao trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng; các chi phí quảng cáo, tiếp thị sản phẩm; các khoản trả trước nhằm mục đích phát triển vùng nguyên liệu, chi phí hỗ trợ cánh tác trồng mía và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	7.259.484.641	3.604.792.549
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.624.170.091	625.368.261
Cộng	**8.883.654.732**	**4.230.160.810**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***61.643.825.081***	***307.896.642.275***
Công ty CP Đồng Tâm Miền Trung	704.718.561	2.023.286.684
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	52.275.113.585	300.054.298.558
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Mỹ I	509.377.000	1.659.377.000
Công ty TNHH SCT Gas VNam - CN Vũng Tàu	15.600.000	-
DNTN Tân Nhà Việt	1.997.872.251	1.077.569.251
Công ty TNHH Dầu Khí Xanh	696.126.461	-
Công ty TNHH Trung Hiếu	2.387.574.464	1.761.831.714
Công ty TNHH Gas An Bình Cao Nguyên	338.271.615	-
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Hoài	139.521.391	-
Công ty TNHH LPG Hoàng Tâm Đăng	59.121.670	-
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung - Chi nhánh Bình Định	1.954.218	-
Công ty TNHH Gas Miền Trung	1.120.880.000	-
Các đối tượng khác	1.397.693.865	1.320.279.068
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	***55.920.797.054***	***302.791.244.809***
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	52.275.113.585	300.054.298.558
Công ty TNHH SCT Gas VNam - CN KCN Phú Mỹ I	509.377.000	1.659.377.000
Công ty TNHH SCT Gas VNam - CN Vũng Tàu	15.600.000	-
Công ty cổ phần dầu khí V-Gas - CN Đức Trọng	1.997.872.251	1.077.569.251
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung - Chi nhánh Bình Định	1.954.218	-
Công ty TNHH Gas Miền Trung	1.120.880.000	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	***1.654.450.117***	***2.365.974.647***
Công ty TNHH DV Đấu giá và Định giá Miền Nam (SAVC)	-	2.119.891.597
Văn phòng Luật Sư Hoàng Như Vĩnh	-	200.000.000
Báo Quảng Nam	-	10.000.000
Công ty Cổ phần KD Quốc tế Vinasac	75.600.000	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Đô Thị Tân Thành	6.600.000	-
Cty TNHH Trung Tâm Gia Công Posco VN	821.700.000	-
Công ty TNHH Gas Miền Trung	376.342.711	-
Đối tượng khác	374.207.406	36.083.050
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	***376.342.711***	***-***
Công ty TNHH Gas Miền Trung	376.342.711	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là các khoản cho vay cá nhân tại các công ty con của Công ty, số dư cuối năm bao gồm:

Khoản cho vay giữa Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas và ông Nguyễn Tiến Dũng theo hợp đồng số 01/2016/HĐV-VGAS-TC ngày 31/12/2016 với giá trị khoản vay là 12.500.000.000 VND, lãi suất 10%, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Hình thức bảo đảm là tín chấp.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	***18.374.267.063***	-	***3.100.103.300***	-
Ký cược, ký quỹ	72.065.000	-	-	-
Tạm ứng	6.805.000.000	-	100.000.000	-
Phải thu khác	11.497.202.063	-	3.000.103.300	-
- Tiền cược vỏ bình	*4.633.500.000*	-	*3.000.000.000*	-
- Lãi cho vay dự thu	*6.863.599.763*	-	*1.000*	-
- Các đối tượng khác	*102.300*	-	*102.300*	-
b) Dài hạn	***11.596.600.000***	-	***55.893.620.000***	-
Ký cược, ký quỹ	11.596.600.000	-	55.893.620.000	-
- Cty TNHH Petronas	*10.745.000.000*	-	*10.745.000.000*	-
- Cty TNHH SCT Gas Việt Nam	-	-	*36.199.060.000*	-
- Cty TNHH Gas Miền Trung	*851.600.000*	-	-	-
- Cty CP ĐT&SX Petro Miền Trung	-	-	*8.949.560.000*	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.646.127.078	-	2.186.846.105	-
Công cụ, dụng cụ	27.457.880	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	825.876.220	-	-	-
Thành phẩm	263.363.793	-	-	-
Hàng hóa	15.436.723.871	(652.758.651)	3.806.033.385	-
Cộng	**22.199.548.842**	**(652.758.651)**	**5.992.879.490**	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***1.725.595.701***	***133.057.074***
Phân bổ công cụ, dụng cụ (dưới 1 năm)	386.474.554	102.711.773
Phí bảo hiểm	42.023.354	30.345.301
Chi phí sơn sửa vỏ bình	1.063.694.320	-
Các khoản khác	233.403.473	-
b) Dài hạn	***161.862.429.766***	***40.234.449.167***
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 1 năm)	155.134.204.040	36.797.910.021
Nhãn hiệu Vgas	-	1.818.181.818
Chi phí kiểm định, sơn sửa bình	6.481.318.904	1.108.000.000
Các khoản khác	246.906.822	510.357.328

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	**7.357.997.773**	**20.670.023.302**	**1.257.759.803**	**265.237.935**	**42.455.000**	**29.593.473.813**
- Mua trong năm	34.891.091.882	164.956.491.086	5.036.415.585	289.493.636	-	205.173.492.189
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.010.767.375	-	-	-	-	3.010.767.375
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(181.818.182)	-	-	(181.818.182)
- Phân loại sang công cụ dụng cụ phân bổ	-	(560.420.249)	-	-	-	(560.420.249)
Tại ngày 31/12/2015	**45.259.857.030**	**185.066.094.139**	**6.112.357.206**	**554.731.571**	**42.455.000**	**237.035.494.946**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	**2.469.837.766**	**9.014.944.964**	**310.491.352**	**102.143.665**	**19.340.604**	**11.916.758.351**
- Khấu hao trong năm	858.218.675	4.676.079.054	338.781.982	45.104.354	2.830.332	5.921.014.397
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(55.555.554)	-	-	(55.555.554)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	**3.328.056.441**	**13.691.024.018**	**593.717.780**	**147.248.019**	**22.170.936**	**17.782.217.194**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	**4.888.160.007**	**11.655.078.338**	**947.268.451**	**163.094.270**	**23.114.396**	**17.676.715.462**
Tại ngày 31/12/2015	**41.931.800.589**	**171.375.070.121**	**5.518.639.426**	**407.483.552**	**20.284.064**	**219.253.277.752**

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 556.623.416 VND (tại ngày 01/01/2015 là 125.063.416 VND).

Theo thuyết minh số 14, Công ty mẹ đang thực hiện thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2015 lần lượt là 24.114.958.281 VND và 6.016.977.668 VND (tại ngày 01/01/2015 lần lượt là 24.114.958.281 VND và 6.735.510.860 VND).

Cũng theo thuyết minh số 14, tại công ty con, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 lần lượt là 164.205.905.064 VND và 160.607.438.442 VND đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
- Mua trong năm	1.909.090.909	1.909.090.909
- Điều chỉnh ghi nhận tài sản cố định vô hình	1.818.181.818	1.818.181.818
Tại ngày 31/12/2015	**3.727.272.727**	**3.727.272.727**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
- Khấu hao trong năm	765.151.509	765.151.509
Tại ngày 31/12/2015	**765.151.509**	**765.151.509**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		-
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	**2.962.121.218**	**2.962.121.218**

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	VND	VND	VND	VND
a) Dài hạn	***49.490.000.000***	***49.490.000.000***	-	-
Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ (i)	49.490.000.000	49.490.000.000	-	-
b) Các bên liên quan	***49.490.000.000***	***49.490.000.000***	-	-
Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ (i)	49.490.000.000	49.490.000.000	-	-

Ghi chú: (i) Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTDT/2015 ngày 20/12/2015 giữa Công ty (bên A) và vợ chồng ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy (bên B). Mục đích là đầu tư bất động sản tại số 580 Điện Biên Phủ, tổ 14, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng với diện tích 373,2 m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất H10898 thuộc quyền sở hữu của bên B. Tổng vốn đầu tư là 51.000.000.000 VND, trong đó Bên A góp 49.490.000.000 VND, Bên B góp 1.510.000.000 VND. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng hợp tác đầu tư chính bằng bất động sản đầu tư thuộc sở hữu của Bên B. Thời gian hợp tác là 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Phân chia lợi nhuận: Trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên B, Bên A sẽ được chia lợi nhuận theo tỷ suất 8,5%/360 ngày, tính theo số ngày thực tế hợp tác đầu tư, tỷ suất này có thể thay đổi căn cứ vào các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	***147.541.207.357***	***147.541.207.357***	***154.174.891.799***	***154.174.891.799***
Công ty TNHH Gas Miền Trung	45.493.585.540	45.493.585.540	81.743.259.331	81.743.259.331
Nhà Máy Bình Khí Dầu Khí Việt Nam	-	-	8.715.270.000	8.715.270.000
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Khí Hóa Lỏng Miền Đông	33.495.996.114	33.495.996.114	52.795.004.008	52.795.004.008
CN Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV KD Sản Phẩm Khí	3.295.366.110	3.295.366.110	8.500.217.495	8.500.217.495
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	61.288.366.465	61.288.366.465	-	-
Đối tượng khác	3.967.893.128	3.967.893.128	2.421.140.965	2.421.140.965
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	***106.781.952.005***	***106.781.952.005***	***81.743.259.331***	***81.743.259.331***
Công ty TNHH Gas Miền Trung	45.493.585.540	45.493.585.540	81.743.259.331	81.743.259.331
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	61.288.366.465	61.288.366.465	-	-

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a)Người mua trả tiền trước ngắn hạn	***3.554.979.118***	***259.188.472***
Công ty CP dầu khí Vgas	-	
Công TNHH MTV kinh doanh Vinh Quang	1.399.391.000	-
Công ty TNHH TM-DV Lê Thiên Phú	230.628.702	-
Công ty TNHH Tấn Vàng	126.328.747	-
DNTN Tấn Quyền	341.388.050	-
Công ty TNHH MTV Vũ Tường Phát	70.483.992	-
Công ty TNHH Trung Nam	875.738.453	-
Đối tượng khác	511.020.174	259.188.472
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	***875.738.453***	***-***
Công ty TNHH Trung Nam	875.738.453	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ (PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	**231.124.925**	**4.073.561.670**	**2.795.461.789**	**1.509.224.806**
Thuế giá trị gia tăng	12.032.852	2.571.599.356	2.558.315.864	25.316.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.362.373	1.487.504.814	45.416.225	1.480.450.962
Thuế thu nhập cá nhân	180.729.700	3.457.500	180.729.700	3.457.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	11.000.000	11.000.000	-
b) Phải thu	**-**	**-**	**73.779.891**	**73.779.891**
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2	2
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	73.779.889	73.779.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***324.519.694***	***109.386.001.296***
Kinh phí công đoàn	4.103.160	-
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	9.843.275	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	310.573.259	109.386.001.296
- Vay cá nhân không tính lãi	-	*109.050.000.000*
- Phải trả phải nộp khác	*310.573.259*	*336.001.296*
b) Dài hạn	***41.927.646.603***	***47.221.690.667***
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	41.885.770.603	47.221.690.667
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.876.000	-

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	***103.161.982.929***	***103.161.982.929***	***308.401.048.567***	***335.863.031.496***	***75.700.000.000***	***75.700.000.000***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Quảng Nam (i)	16.400.000.000	16.400.000.000	76.300.000.000	69.400.000.000	23.300.000.000	23.300.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	47.251.982.929	47.251.982.929	-	47.251.982.929	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Quảng Nam (iii)	14.600.000.000	14.600.000.000	60.000.000.000	54.600.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Nam (iv)	4.500.000.000	4.500.000.000	77.336.264.000	67.436.264.000	14.400.000.000	14.400.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam (v)	3.410.000.000	3.410.000.000	43.300.000.000	28.710.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam (thấu chi)	-	-	18.964.784.567	18.964.784.567	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hội An (vi)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-	-
b) Vay dài hạn đến hạn trả	***20.000.000.000***	***20.000.000.000***	-	***20.000.000.000***	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Quảng Nam (vii)	20.000.000.000	20.000.000.000		20.000.000.000		-
c) Vay dài hạn	***59.120.172.160***	***59.120.172.160***	***35.000.000.000***	***94.120.172.160***	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Quảng Nam (vii)	59.120.172.160	59.120.172.160	35.000.000.000	94.120.172.160	-	-

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/1786362/HĐTD ngày 19/06/2015 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 gồm quyền sử dụng đất đô thị của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy theo hợp đồng thế chấp số 02/2013/HĐ ngày 05/11/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/1786362/SĐBS; quyền sử dụng đất đô thị của vợ chồng ông Nguyễn Quang Ân và bà Nguyễn Thị Hồng Đào theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/1786362/HĐBĐ ngày 19/05/2014 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2015/1786362/HĐBĐ ngày 19/06/2015; Xe ô tô các loại, bồn chứa khí gas hóa lỏng các loại theo hợp đồng thế chấp số 02/2014/1786362/HĐBĐ ngày 19/05/2014 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/2054/1786362/HĐBĐ ngày 19/06/2015.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015-HĐTDHM/NHCT480-PETRO MIEN TRUNG ngày 26/10/2015 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày 26/10/2015 đến ngày 20/10/2016. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng đối với từng khoản nợ. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các giấy tờ có giá theo hợp đồng thế chấp số 01/2015-HĐCC/NHCT 480-PETRO MIEN TRUNG ngày 23/10/2015.

(iii) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 6500H1/14076/NHNT ngày 28/08/2014 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ từng lần rút vốn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, công trình gắn liền với đất và dây chuyền máy móc theo hợp đồng thế chấp số 006/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và 007/2011/VCB.Qna ngày 05/01/2011.

(iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27/2015/HDHM-PN/SHB.120500 ngày 14/01/2015 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và phát hành bảo lãnh thanh toán. Lãi suất cho vay: xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất của bên thứ 3 trong hợp đồng thế chấp tài sản số 252/2011/HĐTC-BTB/SHB.Qna ngày 20/05/2011.

(v) Hợp đồng tín dụng hạn mức số TAK.DN.188.141215 ngày 17/12/2015 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay là 18,4 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại số 351 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng (thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Lãng) được xác định giá trị là 19.839.000.000 VND.

(vi) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An theo hợp đồng vay số 01/2015/6497890/HĐTD ngày 12/11/2015, khoản vay nhằm mục đích chuyển trả tiền mua hàng, bổ sung vốn lưu động cho công ty, lãi suất cố định theo từng khế ước cho vay.

(vii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam theo hợp đồng vay ngày 12/02/2015 số tiền là 100.000.000.000 VND với mục đích thanh toán cho việc nhận chuyển nhượng dự án nhà máy sản xuất vỏ bình gas và chiết nạp gas từ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam. Khoản vay này sẽ được thanh toán đến ngày 17/8/2017 và chịu lãi suất thả nổi và theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ và được quy định theo từng khế ước nhận vay. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án nhận chuyển nhượng các nhà máy sản xuất vỏ bình gas và nạp chiết gas của Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam theo hợp đồng thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai số 01/2015/6497890/HĐTC ngày 12/2/2015 và hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 02/2015/6497890/HDTC ngày 12/2/2015.

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	**50.000.000.000**	**1.624.830.706**	**51.624.830.706**
Tăng vốn trong năm	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Lãi trong năm	-	660.461.301	660.461.301
Trả lãi chậm trả cho Gas MT	-	(736.095.192)	(736.095.192)
Trả khác tính vào LNST	-	(25.740.800)	(25.740.800)
Tiền phạt thuế	-	(1.252.724.389)	(1.252.724.389)
Số dư tại ngày 31/12/2014	**180.000.000.000**	**270.731.626**	**180.270.731.626**
Số dư tại ngày 01/01/2015	**180.000.000.000**	**270.731.626**	**180.270.731.626**
Lãi trong năm	-	9.546.287.733	9.546.287.733
Số dư tại ngày 31/12/2015	**180.000.000.000**	**9.817.019.359**	**189.817.019.359**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	%	VND	%
Nguyễn Tiến Lãng	90.000.000.000	50,00%	90.000.000.000	50,00%
Nguyễn Thị Bích Thùy	81.000.000.000	45,00%	81.000.000.000	45,00%
Nguyễn Thị Thanh Trang	9.000.000.000	5,00%	9.000.000.000	5,00%
Tổng cộng	**180.000.000.000**	**100,00%**	**180.000.000.000**	**100,00%**

c) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

		31/12/2015	01/01/2015
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	cổ phiếu	18.000.000	18.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	cổ phiếu	18.000.000	18.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	đồng/ cổ phiếu	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	cổ phiếu	18.000.000	11.476.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Doanh thu	**387.083.106.688**	**535.015.164.298**
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	380.401.995.400	530.449.977.131
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.681.111.288	4.565.187.167
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	**126.549.605.811**	**327.014.707.895**
CTY TNHH SCT Gas Việt Nam	113.939.421.080	265.533.390.953
CN Bình Định	-	25.093.343.094
CN Quảng Trị	-	36.387.973.848
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung - CN Bình Định	4.775.728	-
Công ty TNHH Gas Miền Trung	1.164.436.363	-
Công ty TNHH Trung Nam	11.440.972.640	-
Cộng	**387.083.106.688**	**535.015.164.298**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**10.031.609.408**	**3.849.600.000**
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	9.440.535.058	3.849.600.000
- Giảm giá hàng bán	591.074.350	-

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	332.552.547.578	513.069.877.229
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.565.792.014	1.732.735.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	652.758.651	-
Cộng	**335.771.098.243**	**514.802.612.363**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.268.710.949	2.782.507.658
Chi phí nhân công	6.064.265.025	654.895.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.255.267.336	3.010.659.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.034.368.140	7.287.256.705
Chi phí khác bằng tiền	9.338.727.526	2.031.693.157
Cộng	**37.961.338.976**	**15.767.012.909**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.895.802.463	55.788.083
Cộng	**6.895.802.463**	**55.788.083**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.099.031.415	8.968.073.599
Chi phí tài chính khác	-	4.090.345.541
Cộng	**8.099.031.415**	**13.058.419.140**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	**7.881.428.683**	**4.564.311.980**
Chi phí nhân viên quản lý	3.333.900.410	1.773.707.658
Chi phí vật liệu quản lý	356.158.060	12.533.133
Chi phí khấu hao TSCĐ	906.486.353	577.805.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.188.731.197	1.734.554.156
Chi phí bằng tiền khác	1.096.152.663	465.711.325
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	**21.557.994.784**	**9.480.985.062**
Chi phí nhân viên	1.147.840.447	441.850.000
Chi phí sử dụng vỏ bình, thương hiệu		-
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.256.871.543	2.004.163.026
Chi phí sử dụng CCDC	9.760.650.486	1.053.261.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	867.319.280	48.211.200
Chi phí vận chuyển	4.803.831.320	5.425.879.004
Các khoản chi phí bán hàng khác	721.481.708	507.620.651

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	100.000.000
Tiền phạt SCT	-	10.836.032.043
Thu nhập vỏ	1.617.752.064	858.359.333
Thu nhập khác	2.072.222	1.870.000
Cộng	**1.619.824.286**	**11.796.261.376**

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	17.171.719	238.636.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	430.898.575	-
Chi phí xử lý công nợ	384.542.184	-
Các khoản khác.	455.842.695	19.460.025
Cộng	**1.288.455.173**	**258.096.396**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.546.287.733	660.461.301
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.546.287.733	660.461.301
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	18.000.000	11.476.712
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	530	58
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Gas Miền Trung	Cùng cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Trung Nam	Cùng cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	Cùng thành viên quản lý
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể

Ngoài khoản phải thu, phải trả bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7 - Phải thu của khách hàng, Thuyết minh số 8 - Trả trước cho người bán, Thuyết minh số 18 - Phải trả người bán, Thuyết minh số 19 - Người mua trả tiền trước, Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	144.000.000	98.200.000
Cộng	**144.000.000**	**98.200.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 chưa được kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại với mục đích so sánh.

Hồ Thị Như Quỳnh	**Nguyễn Thị Linh Thường**	**Nguyễn Thị Bích Thùy**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016